

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2042/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư
Dự án thủy điện Huội Quảng

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 0070
	Ngày: 6/11

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2885/TTr-BNN-KTHT ngày 23 tháng 8 năm 2013, Báo cáo thẩm định số 2880/BC-BNN-KTHT ngày 23 tháng 8 năm 2013 và văn bản số 3532/BNN-KTHT ngày 03 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu di dân, tái định cư

a) Mục tiêu: Di dân, tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng phải tạo được các điều kiện để người dân tái định cư có đời sống tốt hơn nơi ở cũ, trên cơ sở khai thác tiềm năng về tài nguyên và sức lao động, từng bước thay đổi cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cuộc sống vật chất, tinh thần ngày càng tốt hơn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu và tỉnh Sơn La, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Nhiệm vụ: Hoàn thành bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng di dân, tái định cư; hoàn thành bồi thường, xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc - văn hóa xã hội của các tổ chức, đơn vị trong mặt bằng thi công và vùng ngập hồ chứa Dự án thủy điện Huội Quảng trước tháng 12 năm 2015.

c) Yêu cầu

- Công tác di dân, tái định cư phải được các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng phối hợp chặt chẽ để tổ chức và thực hiện theo phương châm: Trung ương quy định và hướng dẫn cơ chế, chính sách chung; các tỉnh cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện;

- Tái định cư trong vùng, trong tỉnh; thực hiện các hình thức tái định cư khác nhau: Tái định cư tập trung nông thôn, tái định cư xen ghép và tái định cư tự nguyện di chuyển phù hợp với các điều kiện sản xuất, phong tục, tập quán và nguyện vọng của đồng bào các dân tộc ở nơi đi cũng như nơi đến. Khuyến khích đồng bào tự di chuyển nhà cũ, tự xây dựng nhà ở tại nơi tái định cư theo quy hoạch. Di dân, tái định cư cần coi trọng việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, sự đoàn kết giữa người dân tái định cư và người dân sở tại;

- Ưu tiên nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án đầu tư khác trên địa bàn (giao thông, thủy lợi, điện,...) với Dự án di dân, tái định cư để xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng tại các vùng tái định cư.

2. Phương án quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư

a) Về thiệt hại và số dân phải di chuyển đến năm 2015:

- Tổng diện tích đất bị ngập và thu hồi là 1.013 ha, bao gồm: Đất nông nghiệp 560 ha; đất lâm nghiệp 434 ha, đất ở 19 ha;

- Tổng giá trị thiệt hại về đất đai, tài sản và kết cấu hạ tầng là 204.902 triệu đồng, trong đó: Tỉnh Lai Châu 202.373 triệu đồng; tỉnh Sơn La 2.529 triệu đồng;

- Số dân phải di chuyển: Tổng số dân tái định cư là 722 hộ với 4.333 khẩu, trong đó: Tỉnh Lai Châu là 702 hộ với 4.246 khẩu, tỉnh Sơn La 20 hộ với 87 khẩu, cụ thể như sau:

+ Số dân tái định cư tập trung là 688 hộ với 4.148 khẩu (tỉnh Lai Châu 668 hộ với 4.061 khẩu, tỉnh Sơn La 20 hộ với 87 khẩu);

+ Số dân tái định cư tự nguyện tỉnh Lai Châu là 34 hộ với 185 khẩu.

- Số dân bị ảnh hưởng không phải di chuyển nơi ở 334 hộ với 1.992 khẩu.

b) Phương án bố trí tái định cư

Tổng số khu, điểm tái định cư tập trung nông thôn của dự án là 03 khu, 12 điểm; đảm bảo bố trí 688 hộ với 4.148 khẩu phải di chuyển trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và huyện Mường La, tỉnh Sơn La và tái định cư tự nguyện 34 hộ với 185 khẩu, bố trí cụ thể như sau:

- Tỉnh Lai Châu (huyện Than Uyên) gồm 02 khu, 11 điểm, bố trí 668 hộ với 4.061 khẩu và tái định cư tự nguyện 34 hộ với 185 khẩu;

- Tỉnh Sơn La (huyện Mường La) gồm 01 khu, 01 điểm, bố trí 20 hộ với 87 khẩu.

c) Phương án tạo quỹ đất lập khu, điểm tái định cư: Quỹ đất lập khu, điểm tái định cư được hình thành chủ yếu từ việc khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất từ đất chưa sử dụng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa người dân sở tại với người dân tái định cư và đất không bị ngập vùng ven hồ chứa. Diện tích đất ở giao cho hộ tái định cư nông nghiệp từ 300 m² - 400 m²/hộ; diện tích đất sản xuất nông nghiệp giao cho hộ tái định cư tùy thuộc vào quỹ đất của từng vùng tái định cư, được quy định cụ thể tại Điểm d Khoản 2 của Điều này.

d) Phương hướng sản xuất: Đối với hộ tái định cư nông nghiệp trồng các loại cây lương thực (lúa, ngô), rau màu; cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đậu tương); cây ăn quả (nhãn, vải,...); trồng rừng nguyên liệu và trồng rừng phòng hộ; chăn nuôi đại gia súc, lợn, dê, cá, ong,... Mỗi hộ tái định cư nông nghiệp được giao đất sản xuất bình quân từ 0,2 - 0,4 ha đất lúa nước, 0,5 - 0,7 ha đất nương rẫy cố định, 0,1 - 0,3 ha đất trồng cây lâu năm, 1,0 - 2,0 ha đất trồng rừng và 3,0 - 5,0 ha đất khoanh nuôi tái sinh rừng;

Ngoài diện tích đất sản xuất giao cho hộ tái định cư nêu trên, tùy thuộc quỹ đất cụ thể từng khu, điểm tái định cư có thể giao thêm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp cho hộ tái định cư để phát triển sản xuất.

đ) Đầu tư dự án thành phần tại các khu, điểm tái định cư:

- Tổng số các dự án thành phần do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu làm chủ đầu tư là 81 dự án, trong đó: Giao thông 18 dự án; thủy lợi 9 dự án; nước sinh hoạt 10 dự án; điện sinh hoạt 10 dự án; xây dựng mặt bằng điểm tái định cư 10 dự án; công trình công cộng 24 dự án (nhà trẻ mẫu giáo, trường học, trạm y tế, nghĩa địa, ...);

- Tổng số các dự án thành phần do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La làm chủ đầu tư là 7 dự án.

3. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn

a) Tổng mức đầu tư Dự án là 1.102.000 triệu đồng, phân bổ cho các chủ đầu tư như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu 760.000 triệu đồng (bồi thường thiệt hại 193.757 triệu đồng; hỗ trợ tái định cư 150.017 triệu đồng; xây dựng tái định cư 390.824 triệu đồng; chi phí tư vấn thẩm tra rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư 495 triệu đồng; dự phòng 24.907 triệu đồng);

- Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La 17.000 triệu đồng (bồi thường thiệt hại 2.529 triệu đồng; hỗ trợ tái định cư 2.989 triệu đồng; xây dựng tái định cư 11.296 triệu đồng; chi phí cho công tác tổ chức thực hiện 86 triệu đồng; dự phòng 100 triệu đồng);

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam 325.000 triệu đồng (bồi thường thiệt hại 8.616 triệu đồng; đánh giá tác động môi trường 21.312 triệu đồng; chi phí cho công tác tổ chức thực hiện 150 triệu đồng; chi phí tư vấn lập Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư 2.663 triệu đồng; dự phòng 2.851 triệu đồng; trả lãi vay 289.408 triệu đồng).

b) Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (vốn vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam).

c) Tiến độ thực hiện Dự án và phân kỳ vốn đầu tư hàng năm

- Tiến độ thực hiện Dự án: Thực hiện hoàn thành Dự án vào năm 2015.

- Phân kỳ vốn đầu tư hàng năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng số	Giải ngân đến 31/5/2013	Hết năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	Tổng số	1.102.000	713.604	202.853	115.543	70.000
1	Lai Châu	760.000	374.946	199.511	115.543	70.000
2	Sơn La	17.000	13.658	3.342		
3	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	325.000	325.000			

Điều 2. Cơ chế quản lý, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

1. Cho phép các chủ đầu tư áp dụng cơ chế quản lý và chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng như Dự án thủy điện Sơn La.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về phương án bố trí tái định cư, quy mô các công trình kết cấu hạ tầng thì cho phép các chủ đầu tư điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại điểm tái định cư, nhưng không làm tăng mức vốn đầu tư được phân bổ cho các chủ đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Sơn La giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng; hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương trong việc thực hiện phương án sản xuất, tổ chức sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân tại các khu, điểm tái định cư;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng theo quy định.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư Dự án di dân, tái định cư thủy điện Huội Quảng; hướng dẫn khuyến khích các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh tại vùng tái định cư nhằm nâng cao đời sống và phát triển bền vững cho người dân vùng tái định cư.

c) Bộ Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hướng dẫn các chủ đầu tư về quản lý, thanh quyết toán vốn Dự án di dân, tái định cư thủy điện Huội Quảng theo quy định.

d) Bộ Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương trong việc thực hiện phương án sản xuất, tổ chức sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân tại các khu, điểm tái định cư.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Sơn La thực hiện việc thu hồi đất, giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng.

e) Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Thực hiện bàn giao mốc đường viên lòng hồ cho Ủy ban nhân dân các tỉnh Lai Châu và Sơn La;

- Thông nhất với Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc vay vốn, cấp vốn cho các chủ đầu tư thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng. Bảo đảm đủ nguồn vốn để các chủ đầu tư thanh toán kịp thời, đúng tiến độ. Thực hiện quyết toán vốn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định hiện hành;

- Tổ chức thực hiện các dự án do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư theo đúng quy định. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các tỉnh Lai Châu và Sơn La trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, bảo đảm tiến độ Dự án thủy điện Huội Quảng.

g) Ngân hàng Phát triển Việt Nam

- Bảo đảm đủ nguồn vốn bố trí cho các chủ đầu tư thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

- Trực tiếp giải ngân phần vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Sơn La

a) Chỉ đạo lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư, các dự án thành phần và tổ chức thực hiện các dự án tại khu, điểm tái định cư theo đúng quy định. Bảo đảm tiến độ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phù hợp với tiến độ xây dựng công trình thủy điện Huội Quảng.

b) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác cho hộ tái định cư theo đúng quy định; bảo đảm đủ quỹ đất để giao cho hộ tái định cư theo hạn mức quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 1 của Quyết định này;

c) Thực hiện việc lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh với Dự án di dân, tái định cư thủy điện Huội Quảng nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Lập kế hoạch vốn, đăng ký nhu cầu vốn hàng năm với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm thanh toán phí giải ngân chậm theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Quản lý, thực hiện giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đúng quy định hiện hành. Phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam để quyết toán vốn đầu tư Dự án.

đ) Tổ chức chỉ đạo phát triển sản xuất, xây dựng và thực hiện phương án chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động của hộ tái định cư, nhằm bảo đảm cuộc sống của người dân tái định cư được ổn định và phát triển bền vững.

e) Chỉ đạo các cấp chính quyền phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể nơi có dân đi, dân đến, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chính sách khác có liên quan. Thực hiện dân chủ, công khai trong quá trình thực hiện Dự án, tạo điều kiện để người dân tham gia giám sát việc bồi thường, hỗ trợ, di dân tái định cư.

g) Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Dự án để bảo đảm hiệu quả đầu tư, đặc biệt là kiểm tra, giám sát chất lượng các công trình xây dựng, không để xảy ra tham nhũng, thất thoát, lãng phí nguồn vốn đầu tư. Đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xây dựng công trình thủy điện Huội Quảng.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường, di dân tái định cư có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quyết định này. Cùng với các tổ chức, chính quyền sở tại tham gia giám sát việc thực hiện bồi thường, di dân tái định cư.

Điều 4. Điều khoản thi hành

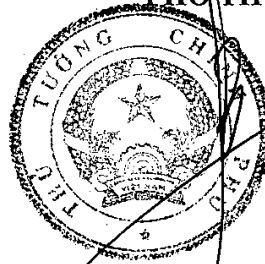
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 833/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục phụ lục chi tiết Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Huội Quảng.

Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thủ trưởng các Bộ, ngành có liên quan; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lai Châu, Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh: Lai Châu, Sơn La;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ : KTTH, KGVX, V.III, TH, NC, V.I;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). *M 12*



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải



Phụ lục I
TỔNG HỢP SỐ KHU, ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ VÀ SỐ DÂN
PHẢI DI CHUYỂN DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HUỘI QUẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-TTg
ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hình thức tái định cư/ các khu, điểm tái định cư	Số khu, điểm tái định cư		Số hộ, khẩu phải di chuyển	
		Khu	Điểm	Số hộ	Số khẩu
	TỔNG CỘNG (A + B)	3	12	722	4,333
-	Tái định cư tập trung nông thôn	3	12	688	4,148
-	Tái định cư tự nguyện			34	185
A	TỈNH LAI CHÂU (I + II)	2	11	702	4,246
I	TÁI ĐỊNH CƯ TẬP TRUNG	2	11	668	4,061
I.1	Khu TĐC Khoen On - Huyện Than Uyên	1	5	281	1,656
1	Điểm TĐC Lầu Luông		1	76	417
2	Điểm TĐC Bàn Sàng		1	35	210
3	Điểm TĐC Bàn On mới		1	73	423
4	Điểm TĐC Bàn Mùi		1	41	246
5	Điểm TĐC Bàn Đốc		1	56	360
I.2	Khu TĐC Ta Gia - Huyện Than Uyên	1	6	387	2,405
1	Điểm TĐC Phiêng Xá Cuông		1	97	620
2	Điểm TĐC Pom Pa		1	34	213
3	Điểm TĐC Đồi Ông Hoàng		1	61	366
4	Điểm TĐC Bàn Gia mới		1	57	412
5	Điểm TĐC Bàn Mè mới		1	47	282
6	Điểm TĐC Tền Cò Mư		1	91	512
II	TÁI ĐỊNH CƯ TỰ NGUYỆN			34	185
II.1	Khu vực xã Khoen On - Huyện Than Uyên			13	65
1	Bản Mờ			4	18

TT	Hình thức tái định cư/ các khu, điểm tái định cư	Số khu, điểm tái định cư		Số hộ, khẩu phải di chuyển	
		Khu	Điểm	Số hộ	Số khẩu
2	Bản On			5	23
3	Hộ sở tại			4	24
II.2	Khu vực xã Ta Gia - Huyện Than Uyên			21	120
1	Bản Hỳ			2	10
2	Bản Củng			4	20
3	Bản Gia			2	12
4	Bản Khem			13	78
B	TỈNH SƠN LA	1	1	20	87
	Điểm tái định cư tập trung nông thôn Huổi Pả - khu TĐC Chiềng Lao	1	1	20	87



Phụ lục II
TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC, DỰ ÁN THÀNH PHẦN QUY HOẠCH
TỔNG THỂ DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN THỦY ĐIỆN HUỘI QUẢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-TTg
ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục các hạng mục, dự án thành phần	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
	TỔNG CỘNG (A + B + C)			1,102,000
A	PHẦN VỐN DO UBND TỈNH LAI CHÂU LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (A1+A2+A3+A4+A5)			760,000
A1	BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI			193,757
A2	HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ			150,017
A3	CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG			390,824
A3	CHI PHÍ TƯ VẤN THẨM TRA RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ DI DÂN, TÁI ĐỊNH CƯ			495
A4	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			24,907
	CHI TIẾT CÁC HẠNG MỤC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:			
I	Khu TĐC Khoen On - Huyện Than Uyên			253,245
a	Bồi thường thiệt hại			68,944
b	Hỗ trợ tái định cư			48,597
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng			135,704
1	Điểm TĐC Lầu Luông			46,516
a	Bồi thường thiệt hại			12,191
b	Hỗ trợ tái định cư		76.0	13,561
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			20,763
-	Đường vào điểm TĐC Lầu Luông (GTNT A)	km	0.7	2,000
-	Đường công vụ di chuyển Bản Mờ	km	0.2	88
-	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Bản Mờ	km	3.5	3,500
-	Thủy lợi Lầu Luông	ha	20.0	2,159
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Lầu Luông	hộ	81.0	1,299
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Lầu Luông	hộ	81.0	1,279
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Lầu Luông (gồm: Nhà văn hóa: 100 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 181 m ² ; trường tiểu học: 383m ²)	m ²	663.6	4,180
-	Xây dựng mặt bằng di dân cư Lầu Luông (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 76 hộ; san nền XD công trình công cộng: 1 ha; thoát nước môi trường)	ha	8.0	6,158
-	Khu nghỉ địa điểm TĐC Lầu Luông	ha	1.0	100
2	Điểm TĐC Bản Sàng			23,670
a	Bồi thường thiệt hại			9,274
b	Hỗ trợ tái định cư		35.0	4,536
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			9,860
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Sàng	hộ	35.0	1,292
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Bản Sàng	hộ	35.0	1,226

TT	Danh mục các hạng mục, dự án thành phần	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Bản Sàng (gồm: Nhà văn hóa: 60; nhà trẻ, mầm non: 147,2; trường tiểu học: 351,5 m2)	m2	558.7	2,863
-	Xây dựng mặt bằng điểm dân cư Bản Sàng (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 30 hộ; san nền XD công trình công cộng: 0,5 ha; thoát nước môi trường)	ha	3.5	4,379
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Bản Sàng	ha	1.0	100
3	Điểm TĐC Bản On mới			89,788
a	Bồi thường thiệt hại			32,227
b	Hỗ trợ tái định cư		73.0	16,306
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			41,255
-	Thủy lợi Phiêng Mút	ha	30.0	6,000
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản On mới	hộ	73.0	1,491
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Bản On mới	hộ	73.0	1,164
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Bản On mới (gồm: Nhà văn hóa: 100 m2; nhà trẻ, mầm non: 498 m2; trường tiểu học: 493 m2; trường THCS: 907 m2; trạm y tế: 183 m2)	m2	2,181.0	23,000
-	Xây dựng mặt bằng điểm dân cư Bản On mới (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 73 hộ; san nền XD công trình công cộng: 1,3 ha; thoát nước môi trường)	ha	7.5	9,500
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Bản On mới	ha	1.0	100
4	Điểm TĐC Bản Mùi			73,325
a	Bồi thường thiệt hại			8,138
b	Hỗ trợ tái định cư		41.0	9,257
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			55,931
-	Đường vào điểm TĐC Bản Mùi (GTNT A)	km	5.7	22,444
-	Cầu treo vào điểm TĐC Bản Mùi	m	54.0	4,000
-	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Bản Mùi	km	3.5	3,500
-	Thủy lợi Bản Mùi	ha	25.0	4,500
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Mùi	hộ	78.0	2,021
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Bản Mùi	hộ	65.0	2,488
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Bản Mùi (gồm: Nhà văn hóa: 100m2; nhà trẻ, mầm non: 498 m2; trường tiểu học: 493 m2; trường THCS: 587 m2)	m2	1,678.0	10,000
-	Xây dựng mặt bằng điểm dân cư Bản Mùi (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 65 hộ; san nền XD công trình công cộng: 0,3 ha; thoát nước môi trường)	ha	6.5	6,878
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Bản Mùi	ha	1.0	100
5	Điểm TĐC Bản Đốc mới			19,946
a	Bồi thường thiệt hại			7,113
b	Hỗ trợ tái định cư		56.0	4,938
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			7,895
-	Đường nội bộ điểm TĐC Bản Đốc mới (GTNT B)	km	1.6	2,402
-	Đường công vụ Bản Đốc	km	0.3	22
-	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Bản Đốc	km	1.5	1,500
-	Thủy lợi Huổi Đốc - điểm TĐC Bản Đốc - Bản Đốc	ha	15.0	1,269

TT	Danh mục các hạng mục, dự án thành phần	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Đốc mới	hộ	56.0	444
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Bản Đốc mới	hộ	56.0	649
-	Nhà văn hóa điểm TĐC Bản Đốc mới	m2	100.0	325
-	Trường Mầm non điểm TĐC Bản Đốc	m2	120.0	421
-	Trường tiểu học điểm TĐC Bản Đốc	m2	230.0	764
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Bản Đốc mới	ha	1.0	100
II	Khu TĐC Ta Gia - Huyện Than Uyên			481,353
a	Bồi thường thiệt hại			124,813
b	Hỗ trợ tái định cư			101,420
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng			255,120
1	Điểm TĐC Phiêng Xá Cuông			114,324
a	Bồi thường thiệt hại			31,849
b	Hỗ trợ tái định cư		97.0	23,835
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			58,640
-	Thủy lợi Huổi Xá - Huổi Hi khu TĐC Ta Gia	ha	60.0	10,000
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Phiêng Xá Cuông	hộ	133.0	2,720
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Phiêng Xá Cuông	hộ	100.0	2,370
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Phiêng Xá Cuông (gồm: Nhà văn hóa: 100 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 767,5 m ²)	m2	867.5	32,000
-	Xây dựng mặt bằng điểm TĐC Phiêng Xá Cuông (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 96 hộ; san nền XD công trình công cộng: 2 ha; thoát nước môi trường)	ha	17.5	11,500
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Phiêng Xá Cuông	ha	1.0	50
2	Điểm TĐC Pom Pa			41,378
a	Bồi thường thiệt hại			17,669
b	Hỗ trợ tái định cư		34.0	8,969
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			14,740
-	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Pom Pa	km	3.0	3,000
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Pom Pa	hộ	49.0	1,166
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Pom Pa	hộ	49.0	1,624
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Pom Pa (gồm: Nhà văn hóa: 60 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 235 m ² ; trường tiểu học: 344 m ²)	m2	639.0	5,500
-	Xây dựng mặt bằng điểm TĐC Pom Pa (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 35 hộ; san nền XD công trình công cộng: 0,4 ha; thoát nước môi trường)	ha	4.0	3,400
-	XD khu nghĩa địa và bến thuyền	ha	1.0	50
3	Điểm TĐC Đồi Ông Hoàng			105,873
a	Bồi thường thiệt hại			17,921
b	Hỗ trợ tái định cư		61.0	11,654
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			76,298
-	Đường Bản Nam - Phiêng Mút	km	6.8	55,000
-	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Đồi Ông Hoàng	km	3.0	3,000
-	Thủy lợi Sông Đông	ha	35.0	6,000
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Đồi Ông Hoàng	hộ	93.0	2,374
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Đồi Ông Hoàng	hộ	93.0	1,969

TT	Danh mục các hạng mục, dự án thành phần	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Đồi Ông Hoàng (gồm: Nhà văn hóa: 100 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 225 m ² ; trường tiểu học: 408 m ²)	m ²	733.0	4,805
-	Xây dựng mặt bằng điểm TĐC Đồi Ông Hoàng (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 61 hộ; san nền XD công trình công cộng: 0,5 ha; thoát nước môi trường)	ha	6.0	3,100
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Đồi Ông Hoàng	ha	1.0	50
4	Điểm TĐC Bản Gia Mới			69,355
a	Bồi thường thiệt hại			12,659
b	Hỗ trợ tái định cư		57.0	11,817
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			44,880
-	Đường vào điểm TĐC Bản Gia - Bản Mè mới (GTNTA)	km	2.4	14,000
-	Đường công vụ di chuyển Bản Gia	km	1.0	144
-	Cầu treo Bản Gia	m	130.0	6,479
-	Thủy lợi Bản Mè - Bản Gia	ha	15.0	3,000
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Bản Mè mới và Bản Gia mới	hộ	101.0	3,965
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Bản Mè mới và Bản Gia mới	hộ	101.0	5,480
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Bản Gia mới (gồm: Nhà văn hóa: 125 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 225,3 m ² ; trường tiểu học: 420,1 m ²)	m ²	770.4	5,200
-	Xây dựng mặt bằng điểm TĐC Bản Gia mới (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 57 hộ; san nền XD công trình công cộng: 1 ha; thoát nước môi trường)	ha	6.0	6,562
-	XD khu nghĩa địa và bến thuyền	ha	1.0	50
5	Điểm TĐC Bản Mè Mới			29,459
a	Bồi thường thiệt hại			8,384
b	Hỗ trợ tái định cư		47.0	11,425
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			9,650
-	Đường công vụ Bản mè mới	km	2.0	600
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Bản Mè mới (gồm: Nhà văn hóa: 60 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 100 m ²)	m ²	160.0	3,000
-	Xây dựng mặt bằng điểm TĐC Bản Mè mới (gồm: Hỗ trợ san nền nhà 40 hộ; san nền XD công trình công cộng: 0,3 ha; thoát nước môi trường)	ha	5.0	6,000
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Bản Mè mới	ha	1.0	50
6	Điểm TĐC Tền Cò Mư			102,987
a	Bồi thường thiệt hại			30,983
b	Hỗ trợ tái định cư			23,954
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			48,050
-	Đường vào điểm TĐC Tền Cò Mư (GTNT A)	km	2.5	20,000
-	Đường giao thông nội đồng điểm TĐC Tền Cò Mư	km	3.0	3,000
-	Cấp nước sinh hoạt điểm TĐC Tền Cò Mư	hộ	51.0	2,500

TT	Danh mục các hạng mục, dự án thành phần	Đơn vị tính	Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
-	Cấp điện sinh hoạt điểm TĐC Tền Cò Mư	hộ	51.0	2,500
-	Các công trình công cộng điểm TĐC Tền Cò Mư (gồm: Nhà văn hóa: 100 m ² ; nhà trẻ, mầm non: 220 m ² ; trường tiểu học: 303 m ²)	m ²	623.0	8,000
-	Xây dựng mặt bằng điểm TĐC Tền Cò Mư	công trình	1.0	12,000
-	Khu nghĩa địa điểm TĐC Tền Cò Mư	ha	1.0	50
7	Bản Mì xã Ta Gia			4,574
a	Bồi thường thiệt hại			737
b	Hỗ trợ tái định cư			2,114
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			1,723
-	Thủy lợi Bản Mì	ha	12.0	1,723
8	Bản Khem xã Ta Gia			7,171
a	Bồi thường thiệt hại			2,798
b	Hỗ trợ tái định cư			3,233
c	Xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm:			1,140
-	Thủy lợi Bản Khem	ha	11.0	1,140
9	Xã Mường Kim			6,233
a	Bồi thường thiệt hại			1,813
b	Hỗ trợ tái định cư			4,419
B	PHÂN VỐN DO UBND TỈNH SƠN LA LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (Chi tiết các hạng mục, dự án thành phần thực hiện theo Quy hoạch chi tiết điểm tái định cư do UBND tỉnh Sơn La phê duyệt)			17,000
C	PHÂN VỐN DO TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ			325,000
1	Bồi thường thiệt hại			8,616
2	Chi phí môi trường			21,312
3	Chi phí cho công tác tổ chức thực hiện			150
4	Chi phí lập dự án QHTT di dân, tái định cư			2,663
5	Chi phí dự phòng			2,851
6	Lãi vay			289,408